TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH MIỆN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18/6/2024
"Về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - HẢI DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đào Quang Khuyến.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Đình Phúc, ông Triệu Duy Tỏi.
- ***Thư ký phiên toà***: Ông Bùi Hoàng Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện.
- ***Đại diện VKSND huyện Thanh Miện tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị D - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Toà án, Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 46/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Vũ Thị T** - sinh năm 2000
Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.
Hiện ở: Thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.
- *Bị đơn*: Anh **Vũ Đình N** - sinh năm 2000
Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình khai tại Toà án và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày: Chị và anh Vũ Đình N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 19/01/2022. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nuôi dạy con và trong làm ăn kinh tế thường trái ngược nhau, không có tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Mâu thuẫn căng thẳng nhất từ tháng 4/2023, tuy vợ chồng vẫn chung sống một nhà nhưng không ai nói với ai, việc của ai người đó làm, không quan hệ tình cảm, không quan tâm đến nhau. Tháng 5/2023 chị đã đưa con về nhà đẻ ở. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn. Vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 5/2023 không quan tâm đến nhau, chị xác định cuộc sống chung không hạnh phúc, hiện chị không còn tình cảm với anh N nên chị khởi kiện

xin ly hôn.

Chị và anh N có 01 con chung là cháu Vũ Trúc Thảo L, sinh ngày 30/10/2022, cháu còn nhỏ hiện đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cho chị tiếp tục nuôi dưỡng, chị đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con đến khi trưởng thành. Chị tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị đang làm công ty ở gần nhà, thu nhập bình quân 8.000.000 đồng/tháng. Mẹ con chị đang ở cùng với bố mẹ, điều kiện về chỗ ăn, chỗ ở đảm bảo, bố mẹ chị vẫn khỏe mạnh, sẵn sàng hỗ trợ cho chị nuôi con. Anh N là lao động tự do, cháu còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, do vậy chị đề nghị Tòa án giao con cho chị tiếp tục nuôi dưỡng. Chị không đề nghị Toà án giải quyết quan hệ tài sản chung và nợ chung, công sức.

- Quá trình làm việc và quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn là anh Vũ Đình N và đã giao các văn bản tố tụng cho anh N biết, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh N đều vắng mặt, không hợp tác, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và giao gửi văn bản ghi quan điểm của anh về các nội dung liên quan đến vụ án. Tòa án mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh N vắng mặt không lý do. Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần anh N đến phiên tòa nhưng anh N đều không có mặt tại phiên tòa.

Lời khai của người thân gia đình chị T ông Vũ Văn T1 xác định: Ông là bố đẻ của chị Vũ Thị T, là ông ngoại của cháu Vũ Trúc Thảo L. Quá trình chung sống, anh N và chị T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Tháng 4/2023 chị T về ở cùng với ông bà và vợ chồng sống ly thân từ đó không quan tâm đến nhau. Nay chị T xin ly hôn anh N, ông đề nghị Toà án giải quyết theo nguyện vọng của chị T. Anh N, chị T có 01 con chung là cháu Vũ Trúc Thảo L, nguyện vọng chị T được tiếp tục nuôi con, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị T. Trường hợp Toà án giao cho chị T nuôi con, ông bà sẵn sàng hỗ trợ cho mẹ con chị T về chỗ ăn, chỗ ở và chăm sóc cháu L với điều kiện tốt nhất cả về vật chất và tinh thần. Quá trình chung sống vợ chồng anh N, chị T không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gì với ông bà.

Lời khai của bà Nguyễn Thị T2 xác định: Bà là mẹ đẻ của anh Vũ Đình N và là bà nội của cháu Vũ Trúc Thảo L. Trong thời gian chung sống anh N, chị T đã xảy ra mâu thuẫn. Tháng 3/2024 chị T bỏ nhà về nhà đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ đó không đoàn tụ lần nào. Chị T xin ly hôn anh N, đề nghị Tòa án giải quyết cho hai bên ly hôn để sớm ổn định cuộc sống. Anh N, chị T có 01 con chung là cháu Vũ Trúc Thảo L, sinh ngày 30/10/2022, cháu đang ở với mẹ. Chị T có nguyện vọng được nuôi con, đề nghị Tòa án giao cho chị T nuôi con. Quá trình chung sống anh N, chị T không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gì với bà.

Kết quả làm việc, xác minh tại chính quyền địa phương và các đoàn thể xã T có quan điểm: Anh N, chị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T ngày 19/01/2022. Trong thời gian chung sống anh N, chị T mâu thuẫn như thế nào, địa phương không nắm được, khi mâu thuẫn anh chị không mời địa phương và các đoàn thể hoà giải. Nay, chị T xin ly hôn anh N, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn chấp hành không đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Vũ Đình N.

Về con chung: Xử giao cháu Vũ Trúc Thảo L, sinh ngày 30/10/2022 cho chị Vũ Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị Vũ Thị T, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí số 0001624 ngày 12/3/2024 chị đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị Vũ Thị T là nguyên đơn có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Vũ Đình N là bị đơn; Nơi cư trú: thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; Quan hệ pháp luật là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo điểm a khoản 1 Điều 35, điều a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện. Chị Vũ Thị T nộp đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự.

Quá trình thu thập chứng cứ anh N đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh N không hợp tác và không chấp hành giấy triệu tập, thông báo của Tòa án. Tòa án đã tống đạt hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, tại phiên tòa lần thứ hai anh N vẫn vắng mặt không có lý do, chị T có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Vũ Thị T và anh Vũ Đình N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 19/01/2022. Cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào trình bày của chị T, phản ánh của đại diện hai bên gia đình và tài liệu thu thập chứng cứ có cơ sở xác định : Trong quá trình chung sống chị T, anh N sống hòa thuận, hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm về nuôi

dạy con và trong làm ăn kinh tế, không có tiếng nói chung, chị T đã đưa con về nhà đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2023 không còn quan tâm đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án anh N vắng mặt và không gửi văn bản ghi quan điểm của anh về các nội dung của vụ án, thể hiện anh không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải nhưng anh N đều vắng mặt, và cũng không có văn bản ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của chị T. Tòa án đã tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng nhưng anh N vẫn không hợp tác. Nhận thấy hôn nhân giữa chị T và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị T, do vậy xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Vũ Đình N là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện đã có công văn gửi Phòng Q, Công an tỉnh H. Ngày 03/6/2024 Phòng Q, Công an tỉnh H có công văn trao đổi: Qua tra cứu trên phân hệ quản lý xuất nhập cảnh tại Công an tỉnh H, không có thông tin xuất nhập cảnh của trường hợp anh Vũ Đình N có thông tin nhân thân như trên.

[4] *Về con chung*: Chị T, anh N có 01 con chung là cháu Vũ Trúc Thảo L, sinh ngày 30/10/2022. Ly hôn chị T đề nghị Toà án giao cho chị tiếp tục nuôi con, chị tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét nguyện vọng của chị T thấy rằng: Đến ngày xét xử, cháu Vũ Trúc Thảo L chưa đủ 36 tháng tuổi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình quy định: *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*". Chị T đang làm công ty, thu nhập ổn định, bình quân 8.000.000 đồng/tháng phù hợp với bảng tổng hợp thu nhập lương do chị T cung cấp. Anh N không cung cấp chứng cứ chứng minh thu nhập của anh cho Tòa án. Bố mẹ chị T cam kết hỗ trợ chị trong việc chăm sóc con, về nhà đất cũng đảm bảo điều kiện cho chị T nuôi con. Chị T không thuộc trường hợp không đủ điều kiện để nuôi con. Do vậy cần giao cháu Vũ Trúc Thảo L cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp*: Chị Vũ Thị T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Vũ Thị T khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ

Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Vũ Đình N.

2. Về nuôi con chung: Xử giao con chung cháu Vũ Trúc Thảo L, sinh ngày 30/10/2022 cho chị Vũ Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh Vũ Đình N cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3-. *Về tài sản chung, vay nợ, công sức đóng góp*: Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị đã nộp theo biên lai số: 0001624 ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã Thanh Giang, huyện Thanh Miện;
(để ghi vào sổ hộ tịch).
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đào Quang Khuyến